

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI HÀ NỘI**

Bản án số: 189/2025/HC-PT

Ngày: 20/3/2025

V/v Khiếu kiện quyết định hành chính,
hành vi hành chính trong lĩnh vực thu
hồi đất, bồi thường giải phóng mặt
bằng

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI**

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Đình Lực.

Các Thẩm phán: Ông Ong Thân Thắng;

Ông Nguyễn Vũ Đông.

Thư ký phiên tòa: Ông Thái Duy Khánh, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa: ***Bà Trần Thị Minh Ngọc, Kiểm sát viên cao cấp.***

Ngày 20 tháng 3 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội xét xử phúc thẩm, công khai, vụ án hành chính thụ lý số 666/2024/TLPT-HC ngày 05 tháng 12 năm 2024 về việc: “Khiếu kiện Quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai”. Do có kháng cáo của người khởi kiện, đối với Bản án hành chính sơ thẩm số 19/2024/HC-ST ngày 29 tháng 3 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 2333/2025/QĐ-PT ngày 06 tháng 3 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện: Bà Nguyễn Thị D, sinh năm 1950 (chồng là Nguyễn Khắc P đã mất ngày 18/3/2020); đăng ký thường trú: Số A T, phường T, quận L, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

*** Người đại diện theo ủy quyền:**

- Ông Phạm Hữu C, sinh năm 1957; hiện trú tại: Số A P, phường Đ, quận N, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

- Ông Đặng Đình P1, sinh năm 1999; hộ khẩu thường trú tại: Xóm C, xã T, huyện T, tỉnh Hòa Bình; có mặt.

- Bà Nguyễn Thị Thu H, sinh năm 1977; hộ khẩu thường trú: Số C N, phường L, quận N, thành phố Hải Phòng; hiện trú tại: Số B H, phường T, quận L, thành phố Hải Phòng; có mặt.

- Ông Trần Minh P2, sinh năm 1957; hộ khẩu thường trú: Số A N, phường L, quận N, thành phố Hải Phòng; hiện trú tại: Số F đường Đ, phường Đ, quận D, thành phố Hải Phòng; có mặt.

- Ông Ngô Duy H1, sinh năm 1950; hộ khẩu thường trú: Số D, N, phường L, quận N, thành phố Hải Phòng; hiện trú tại: Số A phường Đ, quận L, thành phố Hải Phòng; có mặt.

** Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp:*

- Ông Trần Văn H2 - Luật sư Công ty L1 và Cộng sự thuộc Đoàn Luật sư thành phố H; vắng mặt.

- Ông Trần Đại P3 - Luật sư Công ty L2 thuộc Đoàn Luật sư thành phố H; có mặt.

2. Người bị kiện: Ủy ban nhân dân quận N, thành phố Hải Phòng và Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận N, thành phố Hải Phòng; Địa chỉ: Lô B, Khu đô thị M, sân bay C, phường Đ, quận N, thành phố Hải Phòng; Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Quốc T, chức vụ: Phó Chủ tịch; vắng mặt.

** Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp:*

- Ông Hoàng Hải N, Phó Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường; vắng mặt.

- Ông Nguyễn Văn Q, Phó Giám đốc Trung tâm P5; vắng mặt.

- Bà Nguyễn Thị Ngọc N1, Chủ tịch UBND phường L; vắng mặt.

3. Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Nguyễn Thị Ngọc B, sinh năm 1983 (con gái bà Nguyễn Thị D) và chồng là ông Lê Văn T1, sinh năm 1983; đăng ký thường trú tại: Số H N, phường L, N, Hải Phòng; hiện ở: Số A T, phường T, quận L, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Căn cứ các tài liệu trong hồ sơ và bản án sơ thẩm, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

[1]. Người khởi kiện là bà Nguyễn Thị D trình bày và yêu cầu: Gia đình bà D (chồng là Nguyễn Khắc P đã mất ngày 18/3/2020) có thửa đất tại địa chỉ số H, đường N, phường L, quận N, thành phố Hải Phòng. Nguồn gốc thửa đất do gia đình ông Lê Tuấn A và bà Khổng Thị N2 tự khai hoang vượt lập. Năm 2000, ông Lê Tuấn A và bà Khổng Thị N2 đã đồng ý bán lại cho gia đình bà Nguyễn Thị D (chồng là Nguyễn Khắc P). Khi mua bán hai bên lập giấy viết tay có chữ

ký của các bên. Bà D được biết, năm 1996 khi thực hiện Dự án Đường E, mục đích phát triển hạ tầng giao thông, Nhà nước đã thu hồi một phần diện tích đất và cơ quan chức năng xác định là đất ở, đủ điều kiện bồi thường toàn bộ phần diện tích đất bị thu hồi, hiện nay các giấy tờ về việc bồi thường, được lưu trữ tại Ban Q1 xây dựng các công trình giao thông thành phố Hải Phòng. Năm 2001, sau khi thực hiện Dự án Đường E, Ủy ban nhân dân (UBND) phường L tiến hành đo đạc thực tế hiện trạng sử dụng đất, cấp cho gia đình ông L (Nguyễn) Anh T2 (chủ sử dụng đất cũ). Biên bản xác định ranh giới, hồ sơ kỹ thuật thể hiện thửa đất số 516 tại số H N, diện tích 81,5m² đất, mục đích làm nhà ở. Tuy nhiên, UBND quận N khi thu hồi đất, ban hành Quyết định phê duyệt và phương án bồi thường trái luật, tự ý trừ đi 50% giá trị đất của gia đình, cho rằng đây là số tiền sử dụng đất phải nộp, làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của gia đình. Theo Trích lục địa chính số 69/2020-TL, ghi nhận thực tế gia đình sử dụng diện tích đất là 90,1m², nhưng khi thu hồi chỉ bồi thường cho gia đình diện tích 66,37m², bồi thường thiếu của gia đình bà D 23,73m². Việc thu hồi đất nhưng chưa thực hiện bàn giao tái định cư là không đúng quy định tại khoản 3 Điều 85 Luật Đất đai; thực tế gia đình đã bàn giao đất từ ngày 17/11/2022, nhưng đến nay vẫn chưa được nhận tái định cư, trong khi đó tiền hỗ trợ tạm lánh chỉ hỗ trợ với thời gian 06 tháng, đề nghị Ủy ban hỗ trợ tiền tạm lánh từ khi bàn giao đất đến khi nhận tái định cư. Các quyết định hành chính của UBND quận N, ban hành dựa trên các biên bản vi phạm hành chính, Biên bản xác minh tình tiết của vụ việc vi phạm hành chính trái quy định pháp luật, cả về hình thức và nội dung, cụ thể theo Luật Xử lý vi phạm hành chính: Trong quá trình xử lý vi phạm hành chính, việc lập biên bản vi phạm hành chính phải được các cơ quan có thẩm quyền thực hiện công khai, minh bạch, dân chủ, bắt buộc cơ quan có thẩm quyền xử phạt phải làm việc với cá nhân, tổ chức vi phạm. Tuy nhiên, khi UBND phường L tiến hành lập biên bản vi phạm, biên bản xác minh tình tiết vi phạm thì gia đình không hề hay biết, không nhận được bất kỳ thông báo, không hề cho người dân được giải trình. Về nội dung: Các thế hệ gia đình sinh sống tại đây đã hàng chục năm, nhưng chưa bao giờ bị Cơ quan chức năng thông báo hay xử lý về hành vi vi phạm. Những người ký tên vào Biên bản xác minh tình tiết vi phạm hành chính gồm bà Nguyễn Thị Ngọc N1 (Chủ tịch UBND phường), ông Bùi Đức P4 (Công chức Địa chính - Xây dựng), ông Nguyễn Văn N3 (Công chức Địa chính - Xây dựng phường), bà Nguyễn Thị Kim A1 (Chủ tịch UBMTTQVN) phường, ông Vũ Xuân S (Tổ trưởng tổ dân phố số E phường L). Toàn bộ những người này, thời điểm năm 2006 chưa giữ bất cứ chức vụ, quyền hạn nào tại UBND phường L hay Tổ dân phố, nhưng lại xác nhận vi phạm xây dựng công trình trái phép từ năm 2006. Đặc biệt, theo Trích lục địa chính số 69/2020-TL, do Trung tâm K1 lập vào ngày 13/5/2020, bà

D cho rằng thửa đất không vi phạm vào chỉ giới xây dựng, thể hiện trên trích lục địa chính số 69/2020. Từ các sai phạm trên, bà D đề nghị hủy các quyết định hành chính sau: Quyết định số 3107/QĐ-UBND ngày 17/11/2022 của UBND quận N, về việc thu hồi đất thực hiện dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật, phục vụ các dự án đầu tư cải tạo chung cư cũ trên địa bàn phường Đ (giai đoạn 1); Quyết định số 3148/QĐ-UBND ngày 17/11/2022 của UBND quận N, về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đối với các hộ gia đình, cá nhân có đất thu hồi thực hiện dự án ĐTXD hạ tầng kỹ thuật, phục vụ các dự án đầu tư cải tạo chung cư cũ trên địa bàn phường Đ (giai đoạn I) tại phường L, quận N (kèm theo phương án bồi thường của hộ gia đình bà Nguyễn Thị D (chồng ông Nguyễn Khắc P); Quyết định số 2566/QĐ-KPHQ ngày 07/10/2022, về việc Buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả của Chủ tịch UBND quận N; Quyết định số 3012/QĐ-SĐBS ngày 10/11/2022, về việc sửa đổi, bổ sung một phần quyết định trong xử phạt vi phạm hành chính của Chủ tịch UBND quận N; Quyết định số 3612/QĐ-CCXP ngày 12/12/2022, về việc Cường chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả của Chủ tịch UBND quận N đối với bà Nguyễn Thị D; Yêu cầu xét giao thêm 01 suất tái định cư cho gia đình bà Nguyễn Thị D (con gái chị Nguyễn Thị Ngọc B).

[2]. *Đại diện của người bị kiện trình bày:* Nguồn gốc đất thu hồi của hộ ông Nguyễn Khắc P (vợ là Nguyễn Thị D) nguyên là hồ cá của Hợp tác xã Đ1. Sau khi thu hồi đường 5 năm 1996, hộ ông Lê Anh T2 (chủ cũ) còn lại diện tích 63,37m². Năm 2001, diện tích sử dụng là 81,5m², biến động tăng 18,13m². Năm 2005, ông Lê Anh T2 và vợ là Không Thị T3 làm đơn xin bán nhà cho ông Nguyễn Khắc P và bà Nguyễn Thị D (Đơn xin bán nhà viết tay). Năm 2020, diện tích sử dụng là 90,1m², biến động tăng 8.62m² so với năm 2001, là do sử dụng ra mương An Kim H3. Khi thu hồi đất, UBND và Chủ tịch UBND quận N đã ban hành các Quyết định số 3107/QĐ-UBND ngày 17/11/2022, về việc thu hồi đất đối với hộ ông Nguyễn Khắc P (vợ là Nguyễn Thị D); Quyết định số 3148/QĐ-UBND ngày 17/11/2022, về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư; Quyết định số 2566/QĐ-KPHQ ngày 07/10/2022, về việc buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả; Quyết định số 3012/QĐ-SĐBS ngày 10/11/2022, về việc sửa đổi, bổ sung một phần quyết định trong xử phạt vi phạm hành chính; Quyết định số 3612/QĐ-CCXP ngày 12/12/2022, về việc cường chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả đối với bà Nguyễn Thị D là đảm bảo đúng quy định pháp luật. Hộ ông Nguyễn Khắc P (vợ là Nguyễn Thị D) đã được bồi thường về đất 1.524.048.500đồng, bồi thường vật kiến trúc 817.087.413đồng, bồi thường chi phí di chuyển 5.000.000đồng, các khoản hỗ trợ 41.000.000đồng; về tái định cư giao 01 suất tái định cư cho hộ gia đình. Việc thu hồi đất của hộ ông Nguyễn Khắc P, vợ là bà Nguyễn Thị D đã được đảm bảo

đúng quy định của pháp luật. Vì vậy, đề nghị giữ nguyên các quyết định của UBND và Chủ tịch UBND quận N

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 19/2024/HC-ST ngày 29 tháng 3 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng, đã quyết định: Căn cứ khoản 1 Điều 30, Điều 32, điểm a khoản 2 Điều 193, Điều 194 Luật Tổ tụng hành chính năm 2015; Căn cứ Điều 74, Điều 75, Điều 79, khoản 1 và khoản 2 Điều 100 Luật Đất đai; Căn cứ khoản 2 Điều 6 Nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15/12/2014 của Chính phủ quy định về thu tiền sử dụng đất; Căn cứ khoản 1 và khoản 2 Điều 6, Điều 22, Điều 25 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất; Căn cứ vào khoản 4 Điều 27, Điều 28 Pháp lệnh khai thác và bảo vệ các công trình Thủy lợi số 36 ngày 31/8/1994; Căn cứ điểm c khoản 5 Điều 12 Nghị định số 140/2005/NĐ-CP ngày 11/11/2005 quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi; Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 6, Điều 28, khoản 2 Điều 65, Điều 85, khoản 3 Điều 18, Điều 70, Điều 86, Điều 87 Luật Xử lý vi phạm hành chính (sửa đổi bổ sung 2020); Căn cứ Điều 7, điểm b khoản 1 Điều 8, Điều 14 Nghị định số 118/2021/NĐ-CP ngày 23/12/2021 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xử lý vi phạm hành chính; Căn cứ Điều 33 Nghị định số 166/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 của Chính phủ quy định về cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính; Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án, **X:**

Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện là bà Nguyễn Thị D về việc: Hủy Quyết định số 3107/QĐ-UBND ngày 17/11/2022 của UBND quận N về việc thu hồi đất thực hiện dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật phục vụ các dự án đầu tư cải tạo chung cư cũ trên địa bàn phường Đ (giai đoạn 1); Hủy Quyết định số 3148/QĐ-UBND ngày 17/11/2022 của UBND quận N về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đối với các hộ gia đình, cá nhân có đất thu hồi thực hiện dự án ĐTXD hạ tầng kỹ thuật phục vụ các dự án đầu tư cải tạo chung cư cũ trên địa bàn phường Đ (giai đoạn I) tại phường L, quận N (kèm theo phương án bồi thường của hộ gia đình bà Nguyễn Thị D); Hủy Quyết định số 2566/QĐ-BTHBPKPHQ ngày 07/10/2022 v/v buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả của Chủ tịch UBND quận N; Hủy Quyết định số 3012/QĐ-SĐBS ngày 10/11/2022 v/v sửa đổi bổ sung một phần Quyết định trong xử phạt vi phạm hành chính của Chủ tịch UBND quận N; Hủy Quyết định số 3612/QĐ-UBND ngày 23/11/2022 v/v cưỡng chế khắc phục hậu quả của Chủ tịch UBND quận N; Yêu cầu UBND quận N xét giao thêm 01 suất tái định cư lô chính cho gia đình bà Nguyễn Thị D; Yêu cầu UBND quận N bồi thường thêm 10% giá trị đất do thừa đất tiếp giáp 02 mặt đường; Yêu cầu UBND quận N phải

chi trả phần hỗ trợ tạm lánh cho gia đình từ khi ban giao đất cho đến khi nhận được tái định cư.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí, thông báo về quyền kháng cáo.

Ngày 10/4/2024, người khởi kiện bà Nguyễn Thị D kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Đại diện của người khởi kiện giữ nguyên kháng cáo đối với yêu cầu: Hủy Quyết định số 3148/QĐ-UBND ngày 17/11/2022 của UBND quận N về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đối với các hộ gia đình, cá nhân có đất thu hồi thực hiện dự án ĐTXD hạ tầng kỹ thuật phục vụ các dự án đầu tư cải tạo chung cư cũ trên địa bàn phường Đ (giai đoạn I) tại phường L, quận N (kèm theo phương án bồi thường của hộ gia đình bà Nguyễn Thị D). Rút các yêu cầu kháng cáo và không đề nghị xem xét: Quyết định số 3107/QĐ-UBND ngày 17/11/2022 của UBND quận N; Quyết định số 2566/QĐ-BTHBPKPHQ ngày 07/10/2022 v/v buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả của Chủ tịch UBND quận N; Quyết định số 3012/QĐ-SĐBS ngày 10/11/2022 v/v sửa đổi bổ sung một phần Quyết định trong xử phạt vi phạm hành chính của Chủ tịch UBND quận N; Quyết định số 3612/QĐ-UBND ngày 23/11/2022 v/v cưỡng chế khắc phục hậu quả của Chủ tịch UBND quận N; Yêu cầu UBND quận N xét giao thêm 01 suất tái định cư lô chính cho gia đình bà Nguyễn Thị D; Yêu cầu UBND quận N bồi thường thêm 10% giá trị đất do thừa đất tiếp giáp 02 mặt đường; Yêu cầu UBND quận N phải chi trả phần hỗ trợ tạm lánh cho gia đình từ khi ban giao đất cho đến khi nhận được tái định cư.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện trình bày: Quá trình thu hồi đất thực hiện dự án Đường E và dự án Công trình điện dân dụng, diện tích đất của hộ gia đình bà D đều được bồi thường 100%, xác định đây là đất ở phải được bồi thường 100%. Đề nghị hủy Quyết định số 3148/QĐ-UBND ngày 17/11/2022 của UBND quận N

Người bị kiện có văn bản đề nghị xét xử vắng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội phát biểu quan: Về tổ tụng quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến phiên tòa, Thẩm phán chủ tọa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng quy định của Luật Tổ tụng hành chính; những người tham gia tố tụng thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình. Về hướng giải quyết vụ án, sau khi phân tích nội dung vụ án, các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, nội dung kháng cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử: Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với các yêu cầu rút kháng cáo

của người khởi kiện. Bác kháng cáo của bà Nguyễn Thị D và giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số 19/2023/HC-ST ngày 29 tháng 3 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Tòa án cấp sơ thẩm thực hiện đúng quy định của Luật Tổ tụng hành chính; Người bị kiện có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, Tòa án xét xử vắng mặt theo khoản 4 Điều 225 Luật Tổ tụng hành chính. Đơn kháng cáo trong thời hạn luật định, được xem xét theo trình tự phúc thẩm. Đối với yêu cầu của người khởi kiện, Luật sư đề nghị hoãn phiên tòa để giám định, không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2]. Bà Nguyễn Thị D khởi kiện đề nghị hủy: Quyết định số 3107/QĐ-UBND ngày 17/11/2022 của UBND quận N, về việc thu hồi đất thực hiện dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật, phục vụ các dự án đầu tư cải tạo chung cư cũ trên địa bàn phường Đ (giai đoạn 1); Quyết định số 3148/QĐ-UBND ngày 17/11/2022 của UBND quận N, về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đối với các hộ gia đình, cá nhân có đất thu hồi thực hiện dự án ĐTXD hạ tầng kỹ thuật, phục vụ các dự án đầu tư cải tạo chung cư cũ trên địa bàn phường Đ (giai đoạn I) tại phường L, quận N (kèm theo phương án bồi thường của hộ gia đình bà Nguyễn Thị D (chồng ông Nguyễn Khắc P); Quyết định số 2566/QĐ-KPHQ ngày 07/10/2022, về việc buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả của Chủ tịch UBND quận N; Quyết định số 3012/QĐ-SĐBS ngày 10/11/2022, về việc sửa đổi, bổ sung một phần quyết định trong xử phạt vi phạm hành chính của Chủ tịch UBND quận N; Quyết định số 3612/QĐ-CCXP ngày 12/12/2022, về việc cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả của Chủ tịch UBND quận N đối với bà Nguyễn Thị D; Yêu cầu xét giao thêm 01 suất tái định cư cho gia đình bà Nguyễn Thị D (con gái chị Nguyễn Thị Ngọc B). Đây là các quyết định hành chính trong hoạt động quản lý nhà nước về đất đai quy định tại Điều 22 Luật Đất đai, nên thuộc đối tượng khởi kiện vụ án hành chính. Tòa án cấp sơ thẩm xác định đối tượng khởi kiện, thời hiệu, thẩm quyền theo quy định tại Điều 3, Điều 30, Điều 32, Điều 115, Điều 116 của Luật Tổ tụng hành chính thụ lý, giải quyết là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3]. Xét kháng cáo của người khởi kiện.

[3.1]. Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện của người khởi kiện rút kháng cáo và không yêu cầu xem xét đối với: Quyết định số 3107/QĐ-UBND ngày 17/11/2022 của UBND quận N; Quyết định số 2566/QĐ-BTHBPKPHQ ngày 07/10/2022 v/v buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả của Chủ tịch

UBND quận N; Quyết định số 3012/QĐ-SĐBS ngày 10/11/2022 về việc sửa đổi bổ sung một phần Quyết định trong xử phạt vi phạm hành chính của Chủ tịch UBND quận N; Quyết định số 3612/QĐ-UBND ngày 23/11/2022 về việc cưỡng chế khắc phục hậu quả của Chủ tịch UBND quận N; Yêu cầu UBND quận N xét giao thêm 01 suất tái định cư lô chính cho gia đình bà Nguyễn Thị D; Yêu cầu UBND quận N bồi thường thêm 10% giá trị đất do thừa đất tiếp giáp 02 mặt đường; Yêu cầu UBND quận N phải chi trả phần hỗ trợ tạm lánh cho gia đình từ khi bàn giao đất cho đến khi nhận được tái định cư. Xét thấy, việc rút kháng cáo là tự nguyện, phù hợp các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử phúc thẩm theo quy định tại Điều 229, Điều 241 Luật Tổ tụng hành chính.

[3.2]. Xét yêu cầu hủy Quyết định số 3148/QĐ-UBND ngày 17/11/2022 của UBND quận N

[3.2.1]. Căn cứ các quy định của Luật Đất đai năm 2013; Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015; Nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014, Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014, Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ; Thông tư số 37/2014/TT-BTNMT ngày 30/6/2014 của Bộ T4; Thông tư số 76/2014/TT-BTC ngày 16/6/2014 của Bộ T5; Quyết định số 2481/QĐ-UBND ngày 25/9/2017, Quyết định số 686/QĐ-UBND ngày 04/3/2022 của UBND thành phố H. Chủ tịch UBND quận N ban hành quyết định số 3148/QĐ-UBND ngày 17/11/2022 đảm bảo đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật.

[3.2.2]. Căn cứ Báo cáo số 220 của UBND phường L, thửa đất thu hồi của hộ bà Nguyễn Thị D (chồng là ông Nguyễn Khắc P) có nguồn gốc nguyên là hồ cá của Hợp tác xã (HTX) Đ, ông Đồng Xuân Đ tự vượt lập từ năm 1968, sau đó bán lại cho ông Lê Anh T2 (giấy tờ chuyển nhượng đã bị thất lạc). Báo cáo này phù hợp với lời khai của ông Lê Anh T2 về nguồn gốc đất, thể hiện tại Biên bản kiểm kê tài sản hoa màu thuộc phạm vi giải phóng mặt bằng thi công Quốc lộ 5, biên bản có chữ ký của ông Lê Anh T2, đại diện chính quyền địa phương, đại diện Ban Quản lý dự án. Theo Trích lục nguồn gốc đất đai của UBND phường L, thể hiện nguyên là đất của gia đình ông B1 bán lại cho ông Đ trước năm 1970, sau khi có đường bao gia đình tự vượt lập để sử dụng. Tại Danh sách các Hộ lấn chiếm đất làm nhà trái phép trên dải hành lang đường An Kim H3, hiện UBND phường L đang lưu trữ, thể hiện ông Lê Anh T2 ở tại số C L (số người đăng ký ăn ở tại chỗ là 04 người), có tổng diện tích đất sử dụng 130m² - Diện tích nhà 20m² tường gạch chỉ, hai hồi 20cm, tường trước sau 10m, cao 3.5m, mái tôn proximãng. Căn cứ Bản đồ địa chính đường 5 năm 1996, hộ ông Lê Anh T2 (là chủ cũ) đứng tên sử dụng diện tích đất 152,4m², thuộc số thửa 108b +

108a + 108, diện tích trong chỉ giới thu hồi là 89,03m² thuộc thửa 108b (Thực tế thu hồi là 86,1m², trong đó 2,93m² bồi thường ngoài bản đồ địa chính), diện tích còn lại là 63,37m². Bản đồ địa chính năm 2001 của phường L, thì ông Lê Anh T2 (chủ cũ) đứng tên sử dụng đất tại thửa số 516, tờ bản đồ địa chính LT22, diện tích 81,5m², mục đích sử dụng làm nhà ở. Diện tích biến động tăng 18,13m². Đến năm 2005, ông Lê Anh T2 và vợ là Khổng Thị T3 làm đơn xin bán nhà cho ông Nguyễn Khắc P, bà Nguyễn Thị D. Căn cứ Đơn xin bán nhà viết tay ngày 02/02/2005 giữa ông Lê Anh T2 vợ là Khổng Thị T3, bán nhà cho chị Nguyễn Thị Ngọc B trú tại số B Chùa Hàng, thể hiện nội dung ông Lê Anh T2 và vợ là Khổng Thị T3 có bán cho chị B ngôi nhà số H N, nằm trên diện tích đất 66,3m², đơn không có xác nhận của chính quyền địa phương, kèm theo đơn xin bán nhà là Biên bản kiểm kê tài sản hoa màu thuộc phạm vi GPMB thi công Quốc lộ 5. Theo Biên bản kiểm tra số 37/BBKT ngày 15/4/1994 tại nhà ông Lê Anh T2 số 36 Nguyễn Bình K, đoàn đã kiểm tra và xác định gia đình đã và đang chiếm giữ đất để sử dụng có tổng số diện tích đất 130m², trong đó nhà ở diện tích 20m² xây dựng năm 1986, công trình phụ 12m², tường xây gạch chỉ hai hồi dày 20cm, tường trước sau 10cm, cao 3,5m, mái tôn proximăng, số nhân khẩu đang ăn ở tại đây 04 người và kết luận: Gia đình ông T2 chiếm đất, xây nhà trên dải hàng lang kênh A là hoàn toàn sai trái, vi phạm Nghị định số 141-HĐBT ngày 25/4/1991 của Hội đồng Bộ trưởng, Quyết định số 165/QĐ-UB ngày 02/02/1991, Chỉ thị số 07-CT ngày 13/3/1991 của UBND thành phố H về quản lý đô thị. Gia đình ông T2 phải đình chỉ ngay về việc xây dựng, tự tháo dỡ nhà, di chuyển toàn bộ người và tài sản về nơi ở cũ để trả lại mặt bằng cho Sở Thủy lợi quản lý. Thời gian di chuyển chậm nhất vào ngày 30/4/1994. Nếu sau thời hạn trên, gia đình không chấp hành nghiêm chỉnh thì bị xử lý và chịu trách nhiệm trước pháp luật, biên bản này ông Lê Anh T2 có ký biên bản.

[3.2.3]. Căn cứ Trích lục địa chính số 69/2020/TL-1/500, do Trung tâm K1 lập ngày 13/5/2020 thực hiện dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật, phục vụ các dự án đầu tư cải tạo chung cư cũ trên địa bàn phường Đ (Giai đoạn 1), thì đất thu hồi của hộ ông Nguyễn Khắc P thuộc hai thửa đất số 85, có diện tích 90,1m². Tại trích đo hiện trạng tỷ lệ 1/500, hệ tọa độ VN-2000, Lo = 105 45 khu đất giáp đường N, đoạn từ cầu vượt L đến đường V dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật, phục vụ các dự án cải tạo chung cư cũ trên địa bàn phường Đ, quận N thuộc địa phận phường L, quận N do Trung tâm Kỹ thuật - Dữ liệu, Thông tin Tài Nguyên và M lập ngày 08/9/2022, thể hiện nội dung phần diện tích 26,73m² tăng thêm nhà bà Nguyễn Thị D (chồng là ông Nguyễn Khắc P). Diện tích đất hộ gia đình bà Nguyễn Thị D (chồng Nguyễn Khắc P) theo Bản đồ địa chính đường 5 năm 1996, sau khi thu hồi diện tích đất còn lại là 63,37m²,

diện tích theo Trích lục địa chính số 69/2020 là 90,1m², có biến động tăng 26,73m². UBND phường L, UBND quận N xác định tăng thêm do lấn chiếm ra nương An Kim H3 là có căn cứ.

[3.2.4]. Đối với diện tích 63,37m² thu hồi, xét thấy: Tại Điều 6 Nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ, về thu tiền sử dụng đất khi công nhận quyền sử dụng (cấp Giấy chứng nhận) cho hộ gia đình, cá nhân đối với đất đã sử dụng ổn định từ trước ngày 15/10/1993 mà không có một trong các loại giấy tờ quy định tại khoản 1 Điều 100 Luật Đất đai: "...2. Hộ gia đình, cá nhân sử dụng đất để ở mà tại thời điểm bắt đầu sử dụng đất đã có một trong các hành vi vi phạm theo quy định tại Điều 22 Nghị định của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai, nhưng nay nếu được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ở thì phải nộp 50% tiền sử dụng đất đối với diện tích đất trong hạn mức công nhận đất ở theo giá đất quy định tại Bảng giá đất; nộp 100% tiền sử dụng đất đối với diện tích đất vượt hạn mức công nhận đất ở theo giá đất quy định tại điểm b, điểm c khoản 3 Điều 3 Nghị định này tại thời điểm có quyết định công nhận quyền sử dụng đất của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền". Đối chiếu quy định pháp luật nêu trên, quá trình sử dụng đất của hộ bà Nguyễn Thị D (chồng là Nguyễn Khắc P) thuộc trường hợp "Hộ gia đình, cá nhân sử dụng đất để ở mà tại thời điểm bắt đầu sử dụng đất đã có một trong các hành vi vi phạm theo quy định tại Điều 22 Nghị định của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai, nhưng nay nếu được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ở thì phải nộp 50% tiền sử dụng đất đối với diện tích đất trong hạn mức công nhận đất ở theo giá đất quy định tại Bảng giá đất". Vì vậy, UBND quận N xác định diện tích đất 63,37m² thu hồi đối với hộ gia đình bà Nguyễn Thị D phải nộp 50% nghĩa vụ tài chính là có căn cứ.

[3.2.5]. Đối với yêu cầu phải chi trả phần hỗ trợ tạm lánh, yêu cầu cộng thêm 10% mức giá bồi thường, yêu cầu xét giao 01 suất tái định cư. Tại phiên tòa phúc thẩm, người khởi kiện nhất trí và rút kháng cáo.

[3.2.6]. Với các phân tích nêu trên, việc UBND quận N ban hành Quyết định số 3148/QĐ-UBND ngày 17/11/2022 là có căn cứ. Tại cấp phúc thẩm, do không cung cấp thêm được chứng cứ mới để có thể làm thay đổi bản chất vụ án, đồng thời Hội đồng xét xử phúc thẩm hoàn toàn đồng tình với những nhận định và quyết định của Tòa án cấp sơ thẩm. Do vậy, kháng cáo của bà Nguyễn Thị D và quan điểm của Luật sư là không có cơ sở. Cấp phúc thẩm bác kháng cáo của người khởi kiện và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[4]. Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tại phiên tòa là có cơ sở, được chấp nhận.

[5]. Về án phí: Bà Nguyễn Thị D là người cao tuổi và có đơn đề nghị, nên không phải chịu án phí hành chính phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

Căn cứ Điều 229, khoản 1 Điều 241 Luật Tổ tụng hành chính; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án.

QUYẾT ĐỊNH

1. Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Thị D về việc đề nghị hủy: Quyết định số 3107/QĐ-UBND ngày 17/11/2022 của UBND quận N; Quyết định số 2566/QĐ-BTHBPKPHQ ngày 07/10/2022 v/v Buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả của Chủ tịch UBND quận N; Quyết định số 3012/QĐ-SĐBS ngày 10/11/2022, về việc sửa đổi bổ sung một phần Quyết định trong xử phạt vi phạm hành chính của Chủ tịch UBND quận N; Quyết định số 3612/QĐ-UBND ngày 23/11/2022, về việc cưỡng chế khắc phục hậu quả của Chủ tịch UBND quận N; Yêu cầu UBND quận N xét giao thêm 01 suất tái định cư lô chính cho gia đình bà Nguyễn Thị D; Yêu cầu UBND quận N bồi thường thêm 10% giá trị đất do thừa đất tiếp giáp 02 mặt đường; Yêu cầu UBND quận N phải chi trả phần hỗ trợ tạm lánh cho gia đình từ khi bàn giao đất cho đến khi nhận được tái định cư.

2. Bác kháng cáo của bà Nguyễn Thị D và giữ nguyên quyết định Bản án hành chính sơ thẩm số 19/2024/HC-ST ngày 29 tháng 3 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

3. Án phí: Bà Nguyễn Thị D không phải nộp án phí hành chính phúc thẩm.

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSNDCC tại Hà Nội;
- TAND thành phố Hải Phòng;
- Cục THADS thành phố Hải Phòng;
- Các đương sự;
- Lưu HS; HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Đặng Đình Lực